

Bản án số: 111/2017/DS-PT

Ngày: 14/8/2017

V/v: "*Tranh chấp đòi lại
tài sản (tiền)*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũ**

Các Thẩm phán: Ông **Mai Thiện Kế**

Ông **Nguyễn Khánh Hùng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Út**, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông **Trần Văn Nghiệp**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 7 và ngày 14 tháng 8 năm 2016, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 47/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2017 về "*Tranh chấp đòi lại tài sản (tiền)*".

Do bản dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST, ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 109/2017/QĐ-PT ngày 13 tháng 6 năm 2017 và Quyết định tạm dừng xét xử phúc thẩm số 285/2017/QĐPT-DS ngày 10/7/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Ngọc T**, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Lâm Hoàng D**, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Có luật sư: **Huỳnh Ánh T**, văn phòng luật sư **Huỳnh Ánh T**, thuộc đoàn luật sư tỉnh S bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lâm Hoàng D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc T trình bày:

Vào ngày 13/6/2015 bà có vay mượn của ông Lâm Hoàng D số tiền là 90.000.000 đồng, theo đó bà có trực tiếp trả cho ông D bằng tiền mặt nhiều lần với số tiền là 18.000.000 đồng và bà còn chuyển khoản trả nợ thay cho ông D 04 lần với tổng số tiền là 21.380.500 đồng, để trả khoản nợ vay cho ông D vay của Ngân hàng B, cụ thể:

- Lần 1 vào tháng 8 năm 2015 chuyển khoản trả nợ thay cho ông D với số tiền 5.372.000 đồng, tại Ngân hàng N - chi nhánh huyện K.

- Lần 2 vào tháng 11 năm 2015 chuyển khoản trả nợ thay cho ông D với số tiền 5.240.000 đồng, tại Ngân hàng TMCP C, chi nhánh thị xã N.

- Lần 3 vào tháng 01 năm 2016 chuyển khoản trả nợ thay cho ông D với số tiền 5.360.000 đồng, tại Ngân hàng Ngân hàng N - chi nhánh huyện K.

- Lần 4 vào tháng 02 năm 2016 chuyển khoản trả nợ thay cho ông D với số tiền 5.408.500 đồng, tại Ngân hàng Ngân hàng N - chi nhánh huyện K.

Nhưng khi ông D yêu cầu bà trả số tiền 90.000.000 đồng của bà vay, bà đã yêu cầu ông D khấu trừ số tiền bà đã chuyển khoản trả nợ thay cho ông D nhưng ông D không đồng ý. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông D trả cho bà số tiền là 21.380.500 đồng.

Bị đơn ông Lâm Hoàng D trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, vì trước đây ông có vay của Ngân hàng B với số tiền 200.000.000 đồng, bà T cũng có vay số tiền như ông, vay với hình thức tín chấp để tiêu dùng, hàng tháng trừ vào lương, thỏa thuận vay trong thời hạn 05 năm và trả thành 60 kỳ. khi vay thì có thỏa thuận ông và bà T ai đứng ra đi trả cũng được, mỗi tháng khi đến kỳ trả thì Ngân hàng sẽ gửi tin nhắn qua điện thoại mọi người để biết số tiền lãi và vốn trong tháng. Trong các lần nêu trên đã trả nợ thay cho ông thì bà T chỉ đại diện trả hai lần là 08/2015 và tháng 02/2016; còn hai lần vào tháng 01/2016 và tháng 11/2015 là do ông tự đi nộp trả và có trả thay cho bà T. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, vì ông cũng nhiều lần đại diện đi trả nhưng đều đưa phiếu cho bà T, ông chỉ giữ phiếu trả vào tháng 7/2015 do ông nhờ vợ đi nộp thay.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết như sau:

*** Áp dụng:**

Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 332 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 48 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc T. Buộc ông Lâm Hoàng D có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Ngọc T số tiền là 21.380.500 đồng.

Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu Thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn chưa trả số tiền trên thì bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền chậm trả theo lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm Thi hành án.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Vào ngày 05/5/2017, bị đơn ông Lâm Hoàng D có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST, ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng và ngày 09/5/2017 ông Lâm Hoàng D có đơn kháng cáo bổ sung. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết xét xử vụ án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị luật sư bảo vệ quyền, lợi ích cho bị đơn đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn Lâm Hoàng D chi trả cho nguyên đơn Huỳnh Ngọc T số tiền 5.240.000đ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng và đề xuất Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lâm Hoàng D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà T có vay mượn của ông D số tiền là 90.000.000 đồng. Đồng thời ông D và bà T mỗi người có vay của Ngân hàng B số tiền là 200.000.000 đồng, hình thức tín chấp để tiêu dùng, hàng tháng trừ vào lương, thỏa thuận vay trong thời hạn 05 năm và trả thành 60 kỳ. Khi vay có thỏa thuận bà T và ông D ai đi trả tiền cho Ngân hàng cũng được. Trong khoản thời gian bà T nợ ông D số tiền 90.000.000 đồng, thì bà có trả nợ thay cho ông D đối với số tiền vay của Ngân hàng Bru điện Liên Việt tổng cộng là 21.380.500 đồng, thể hiện qua 04 phiếu chuyển tiền bà đã cung cấp. Nay bà T yêu cầu ông D trừ số tiền bà đã trả thay cho ông D vào số tiền vay 90.000.000 đồng thì ông D không đồng ý. Nên bà T mới khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D trả số tiền nêu trên.

Xét kháng cáo của bị đơn ngày 05/5/2017 và đơn kháng cáo bổ sung đề ngày 09/5/2017, với các lý do như sau:

- Khi trường THCS K bảo lãnh cho các giáo viên của trường vay tiền tại Ngân hàng B thì hàng tháng các giáo viên của trường thường gửi tiền cho 01 giáo viên hoặc kế toán trong trường đi đóng tiền lãi vay cho Ngân hàng. Nhiều lần bị đơn cũng đóng dùm cho các giáo viên trường và trong đó có bà T.

- Bị đơn không có uỷ quyền cho bà T trả nợ cho Ngân hàng thay cho bị đơn, nếu đây không phải số tiền của bị đơn thì bà T phải là người ký nhận người trả tiền, nhưng bà T lại ký tên của bị đơn, người trả cùng một tên bị đơn.

- Số tiền này là do bị đơn gửi cho bà T đóng tiền dùm cho bị đơn chứ không phải là tiền của bà T bỏ ra đóng thay cho bị đơn như lời trình bày của bà T.

- Bị đơn có trả số tiền cho tập thể giáo viên vào ngày 20/7/2015 chưa được toà xem xét.

[2] Xét thấy, bà T cho rằng trong khoảng thời gian bà vay mượn ông D số tiền 90.000.000 đồng thì bà có trả tiền thay cho ông D số tiền nợ vay Ngân hàng B với tổng số tiền là 21.380.500 đồng, bà T chứng minh cho việc bà đã trả nợ thay cho ông D bằng 04 chứng từ giao dịch tháng 8/2015, tháng 11/2015, tháng 01/2016 và tháng 02/2016 (BL 20, 21, 22, 23). Ông D thừa nhận vào các tháng 8/2015, tháng 11/2015, tháng 01/2016 và tháng 02/2016, thì bà T có thay ông đi nộp tiền trả cho Ngân hàng Bưu điện Liên Việt với số tổng số tiền 21.380.500 đồng. Nhưng nguồn tiền thì ông đưa cho bà T đi nộp chứ không phải tiền của bà T. Tuy nhiên, bà T không thừa nhận là nguồn tiền này là của ông D đưa cho bà đi đóng tiền, ông D cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện số tiền bà T đi đóng trả Ngân hàng là của ông đưa cho bà T. Việc ông D có cung cấp phiếu chuyển tiền ngày 20/7/2015 do vợ ông nộp tiền cho Ngân hàng Bưu điện Liên Việt, đã được toà án cấp sơ thẩm xem xét. Tuy nhiên, phiếu chuyển tiền này không liên quan đến việc ông có đưa tiền cho bà T nộp trả các khoản tiền nêu trên cho ông. Do đó không có cơ sở nào để xem xét cho bị đơn Lâm Hoàng D.

[3] Đối với kháng cáo bị đơn cho rằng: Khi trường THCS K bảo lãnh cho các giáo viên của trường vay tiền tại Ngân hàng B thì hàng tháng các giáo viên của trường thường gửi tiền cho 01 giáo viên hoặc kế toán trong trường đi đóng tiền lãi vay cho Ngân hàng. Nhiều lần bị đơn cũng đóng dùm cho các giáo viên trường và trong đó có bà T. Bởi vì có rất nhiều giáo viên trong trường nhờ đi đóng tiền thay, nếu căn cứ theo bản án này thì có lẽ sẽ có nhiều vụ kiện khác phát sinh từ việc trả lãi thay cho Ngân hàng.

Xét thấy, bị đơn đặt ra vấn đề này, nếu như có khởi kiện hay không đó là quyền của họ. Ở đây, là vụ kiện tranh chấp đòi lại tiền mà nguyên đơn bà T đã nộp tiền thay bị đơn D vào Ngân hàng B, bị đơn cho rằng bị đơn đã gửi tiền cho bà T nộp thay, bà T hoàn toàn không thừa nhận việc bị đơn D gửi tiền. Do đó, nghĩa vụ chứng minh là có gửi tiền cho bà T để nộp vào Ngân hàng thay cho bị đơn thuộc về bị đơn D. Còn đối với những người khác như bị đơn trình bày, nếu họ có khởi kiện thì toà án sẽ thụ lý, xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định, bà T có nộp trả tiền thay cho ông D vào các tháng 8/2015, tháng 11/2015, tháng 01/2016 và tháng 02/2016, nên việc bà T yêu cầu ông D trả lại số tiền này là có căn cứ, cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như phân tích nêu trên, xét thấy lời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn của vị luật sư không có căn cứ, hội đồng xét xử không chấp nhận.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST, ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lâm Hoàng D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 24/2017/DS-ST, ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã xét xử về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản (tiền)" giữa nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc T với bị đơn ông Lâm Hoàng D".

Phân tuyên xử:

“Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc T. Buộc ông Lâm Hoàng D có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Ngọc T số tiền là 21.380.500 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng)”.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lâm Hoàng D phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005798, ngày 05/5/2017 tại Chi cục Thi hành án huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hiệu lực Bản án phúc thẩm: Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THA huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Nguyễn Văn Dũ